

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ BẢO ĐẢM CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

PGS, TS TRẦN VĂN PHÒNG*

1. Về khái niệm phát triển kinh tế và công bằng xã hội

Tăng trưởng kinh tế được hiểu khá thống nhất là sự tăng sản lượng thực tế của một nền kinh tế trong một khoảng thời gian. Thước đo phổ biến là mức tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong một năm hoặc mức tăng GDP bình quân đầu người trong một năm. Theo khái niệm này, thì nội hàm của khái niệm tăng trưởng kinh tế mới chỉ biểu hiện về số lượng tăng trưởng trong một thời kỳ nhất định mà chưa làm rõ chất lượng của tăng trưởng kinh tế. Chính vì vậy, ngoài khái niệm trên, người ta còn dùng khái niệm *phát triển kinh tế* để phản ánh cả về sự gia tăng sản lượng và chất lượng của một nền kinh tế quốc dân trong một thời kỳ nhất định, thông qua các thước đo về hiệu quả của nền kinh tế, hiệu quả của đầu tư, của cơ cấu kinh tế và khả năng cạnh tranh, tác động ảnh hưởng của nền kinh tế đó với các nền kinh tế khác trong khu vực và trên thế giới.

Phát triển kinh tế bao gồm, phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu. Đối với phát triển theo chiều rộng, tức là chủ yếu dựa vào tăng số lượng các yếu tố đầu vào của nền sản xuất, như việc sử dụng nguồn lao động giản đơn giá rẻ; dựa vào xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên thô chưa qua chế biến; sử dụng đất đai một cách quá mức; áp dụng kỹ thuật và công nghệ lạc hậu... Phát triển theo chiều rộng thường là tất yếu đối với các nước kém phát triển.

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Nếu kéo dài phát triển kiểu này sẽ gây hệ quả lâu dài cho nền kinh tế và xã hội. Kinh nghiệm cho thấy, một số nước dù trước mắt thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển và gia nhập vào nhóm nước phát triển trung bình nhưng nếu vẫn tiếp tục phát triển theo chiều rộng thì tất yếu sẽ đứng trước nguy cơ rơi vào cái gọi là “bẫy tăng trưởng” hay “bẫy thu nhập trung bình”. Theo cách phát triển này, không tránh khỏi khi nguồn tài nguyên cạn kiệt, thu nhập quốc dân không đủ tài chính chuyển đổi sang sử dụng công nghệ tiên tiến. Bài học kinh nghiệm trên thế giới cho thấy, nếu thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh bằng mọi giá, dồn mọi nguồn lực xã hội cho phát triển theo kiểu trên thường đồng nghĩa việc phải hy sinh một số mục tiêu xã hội, bỏ rơi người nghèo và nhóm dễ tổn thương; tạo kẽ hở làm phát sinh xu thế làm giàu bất chính cho một số cá nhân và cuối cùng là nguy cơ làm gia tăng phân hóa, phân cực và bất bình đẳng xã hội.

Phát triển theo chiều sâu là sự phát triển dựa vào các nhân tố tăng sức sản xuất của lao động xã hội bằng cách cơ cấu lại nền kinh tế hợp lý, nâng cao trình độ của người lao động, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, cải tiến tổ chức và quản lý sản xuất, tăng hiệu suất của tư liệu lao động, tiếp cận sử dụng với năng lượng mới và tận dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nhờ đó năng suất lao động xã hội tăng nhanh và có hiệu quả, sự phát triển kinh tế gắn với yếu tố con người trước hết với tư cách

là yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất.

Nếu khái niệm phát triển kinh tế đến nay đã có sự thống nhất về mặt nhận thức, thì ngược lại khái niệm công bằng xã hội lại có nhiều cách hiểu khác nhau, và do vậy, đã dẫn đến cách hiểu khác nhau trong việc chỉ ra mối quan hệ giữa hai khái niệm này.

Nếu gắn khái niệm công bằng với khái niệm phát triển kinh tế mà nói thì *công bằng xã hội là sự bình đẳng giữa người và người, nhưng bình đẳng ở đây không đồng nghĩa là sự ngang bằng nhau giữa người và người về vị trí, vai trò trong nền sản xuất cũng như sự hưởng thụ kết quả của quá trình sản xuất ấy, mà sự bình đẳng ở đây chỉ xét ở sự ngang nhau giữa người và người trong mối quan hệ tương ứng giữa cống hiến và hưởng thụ theo nguyên tắc cống hiến ngang nhau thì hưởng thụ ngang nhau.*

Nói cách khác, công bằng (*nghĩa thứ nhất*) là sự tương ứng giữa cống hiến ngang nhau thì hưởng thụ ngang nhau; và ngược lại (*nghĩa thứ hai*) tương ứng với khả năng đóng góp của mỗi cá nhân không như nhau thì đương nhiên là sự không ngang nhau về mức hưởng thụ.

Mặc dù đây là nguyên tắc công bằng phù hợp trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, nhưng nếu chúng ta không có định hướng phát triển đúng theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì tất yếu sự tăng trưởng kinh tế sẽ chỉ làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng mà thôi. Vậy làm thế nào để có sự tương dung theo hướng tích cực vừa tạo động lực phát triển kinh tế, vừa bảo đảm công bằng xã hội?

Nhìn vào sự phát triển kinh tế cả theo chiều rộng và chiều sâu chúng ta thấy rằng để giải được bài toán kinh tế, xã hội phức tạp này thì luôn phải gắn chặt với nhân tố người lao động. Bởi vì, nếu bỏ quên nhân tố quan trọng này (dù trước hết chỉ xét đó là yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất) sẽ tất yếu dẫn đến thủ tiêu động lực phát triển kinh tế, và hệ quả cả trước mắt và lâu dài là mục tiêu phát triển con người không đạt được. Chẳng hạn, cho dù thực hiện phát triển theo chiều sâu, nhưng chỉ đơn thuần ứng dụng công nghệ tiên tiến, từ đó dẫn đến tăng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao, nhưng ngược lại giáo dục đào tạo lại không được đầu tư để đáp ứng kịp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sẽ dẫn đến tình trạng dư thừa nhiều lao động giản đơn, tăng thất nghiệp dẫn đến tình trạng bất bình đẳng. Do

vậy, muốn tạo được động lực thực sự cho sự phát triển kinh tế thì đòi hỏi phải thực hiện được công bằng xã hội, trước hết thể hiện ở sự phân bổ đều tư hợp lý vào từng yếu tố lực lượng sản xuất trong đó có yếu tố người lao động. Nhưng ngược lại, để khắc phục sự bất bình đẳng xã hội gia tăng thì việc chỉ nhầm vào cào bùng thu nhập, và do đó công bằng theo nghĩa này, lại càng gây những hậu quả tai hại không kém. Cào bùng thu nhập sẽ triệt tiêu động lực phát triển và sáng tạo, tăng nguy cơ chảy máu chất xám, thu hẹp năng lực sản xuất của nền kinh tế. Chính sự cào bùng này không những không phải là công bằng mà trái lại là sự *bất công*.

2. Phát triển kinh tế vừa tạo nền tảng phát triển bền vững, vừa thực hiện tốt công bằng xã hội và ngược lại

Từ nội dung cơ bản của công bằng xã hội cho thấy, công bằng xã hội không phải thể hiện ở khâu phân phối kết quả sản xuất, mà ở chỗ phải tạo ra sự *công bằng về cơ hội* để mọi người đều có điều kiện phát triển, cống hiến, lao động, v.v... Trên cơ sở đó có công bằng về hưởng thụ. Để đảm bảo công bằng xã hội phải phân phối công bằng các nguồn lực của Nhà nước, phải phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, tạo bước chuyển đổi trong cơ cấu nền kinh tế, tạo đà cho kinh tế phát triển, và bao hàm trong đó là yếu tố con người được phát triển, bởi việc đảm bảo về mặt công bằng trong nền sản xuất ấy.

Mục tiêu phát triển kinh tế gắn với thực hiện công bằng, lấy con người làm tiêu chí cho sự phát triển đó đã được nhấn mạnh trong quan điểm của Đảng, đó là: “Tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và hưởng thành quả của sự phát triển”¹. Cũng trên tinh thần ấy, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII còn nhấn mạnh hơn khi viết: “Tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình”².

Trước hết, việc “tạo cơ hội” và “tạo điều kiện” phát triển ấy cho mỗi cá nhân với tư cách là mục tiêu và động lực của sự phát triển nói chung, trong đó có sự phát triển kinh tế, mà hiện nay chúng ta đang thực hiện, là được gắn với nền kinh tế thị trường định hướng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, H, 1991, tr. 9 - 10.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 113.

xã hội chủ nghĩa. Do vậy, nguyên tắc phân phối đương nhiên cũng được thực hiện theo nguyên tắc trao đổi ngang giá, nhưng sự trao đổi ngang giá đó sẽ ngày càng trở nên một sự trao đổi ngang giá *thực sự* hơn so với trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, yêu cầu “định hướng xã hội chủ nghĩa” cũng khiến cho quan hệ trao đổi ngang giá ở đây ngày càng đáp ứng yêu cầu *công bằng hơn*, vì nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng *tạo ra nhiều cơ hội bình đẳng hơn* cho mỗi cá nhân và mỗi chủ thể kinh tế phát huy được tính năng động của mình cùng góp sức thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, đưa đất nước đi lên, đồng thời vừa thực hiện phân phối tương xứng với sự cống hiến về nhiều mặt của mỗi cá nhân và mỗi chủ thể kinh tế. Nói cách khác, việc tạo ra một xuất phát điểm bình đẳng (ở cơ hội và điều kiện) như nhau giữa mọi cá nhân sẽ phần nào hạn chế được sự khác biệt vốn có giữa người và người về khả năng bẩm sinh và về những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Điều đó sẽ làm cho việc phân phối ngày càng trở nên công bằng hơn.

Nhưng việc tạo ra một xuất phát điểm bình đẳng như nhau cho mọi cá nhân lại là công việc của cả cộng đồng, trong đó nhà nước đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sự điều tiết của Nhà nước mới thực sự là “chìa khóa để đáp ứng những nhu cầu phức tạp và trái ngược nhau của xã hội”. Việc giải quyết một cách công bằng theo nguyên tắc phân phối phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường là điều kiện để giải quyết nội dung đang đặt ra của cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay.

Vai trò điều tiết của Nhà nước phải được thực hiện bằng các chủ trương, chính sách phù hợp với thước đo của công bằng xã hội như đã nói trên chứ không phải là sự áp đặt một cách chủ quan. Điều này thể hiện ở chỗ, nhà nước phải dùng những chính sách kinh tế - xã hội khác nhau để điều chỉnh và tạo đòn bẩy cho sự phát triển kinh tế, đặc biệt là dùng các chính sách thu hút những nguồn lực về vốn, tài sản, hay lao động cho sự phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, cần phải kết hợp chính sách phát triển kinh tế với chính sách phát triển xã hội. Có như vậy mới thực sự làm cho công bằng xã hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trở nên đầy đủ hơn.

Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc điều tiết lợi ích đối với các

chủ thể kinh tế bao giờ cũng phải căn cứ trước hết vào khả năng phát triển của nền kinh tế và khả năng sử dụng hiệu quả những yếu tố của nền sản xuất, cũng như hiệu quả đóng góp của từng chủ thể kinh tế khác nhau. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường và những điều kiện bình đẳng cho sự phát triển của mọi nhóm đối tượng và cá nhân trong nền kinh tế. Nhưng bên cạnh đó, sự điều tiết của Nhà nước phải được thực hiện sao cho điều đó không biến thành phương tiện *cào bằng*, không trở thành chỗ dựa cho những kẻ lười nhác, ăn bám xã hội... Sự điều tiết của Nhà nước là điều kiện để thực hiện có hiệu quả nguyên tắc công bằng xã hội nhằm phát huy tính tích cực của mọi chủ thể kinh tế, thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, sự điều tiết của Nhà nước cũng sẽ là không công bằng nếu sự điều tiết của Nhà nước lại can thiệp quá sâu vào sự vận hành của nền kinh tế bằng mệnh lệnh chủ quan, nhất là vào quy luật phân phối dựa theo nguyên tắc trao đổi ngang giá, bởi vì điều đó có nguy cơ dẫn đến sự *cào bằng* bình quân chủ nghĩa, cuối cùng triệt tiêu mất động lực của sự phát triển kinh tế.

Như vậy, để sự điều tiết của Nhà nước có thể góp phần đảm bảo công bằng xã hội, khiến cho công bằng xã hội đó trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thì sự điều tiết đó cần hướng vào những nhân tố chủ yếu đang thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nói riêng và sự phát triển của xã hội nói chung. Bởi vì trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, những nhân tố chủ đạo quyết định sự phát triển của nền kinh tế - xã hội không giống nhau. Vì vậy, nếu sự điều tiết *nhấn mạnh đến những đối tượng của sự phân phối đang giữ vai trò là những nhân tố chủ yếu đang thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế - xã hội* (những nhân tố chủ yếu đó là lợi ích chung của cả xã hội) thì nó lại càng góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Ngược lại, nếu sự điều tiết đó không nhằm vào những nhân tố đang đóng vai trò chủ yếu thúc đẩy sự phát triển kinh tế thì nó sẽ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Chẳng hạn, trước đây ở nhiều quốc gia, mặc dù “nguồn nhân lực dồi dào” đã từng là nhân tố thúc đẩy cho sự tăng trưởng kinh tế, nhưng do chế độ phân phối chủ yếu lại dựa vào nguồn vốn và tài sản tham dự vào nền sản xuất, cho nên đã gây ra sự xung đột giữa s

tăng trưởng kinh tế và nguyên tắc phân phối. Chính điều ấy đã dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc và kết cục là thủ tiêu động lực phát triển của nền kinh tế. Do đó, chỉ khi nguyên tắc phân phối nhấn mạnh đến nhân tố đang thực sự thúc đẩy cho sự tăng trưởng, thì động lực cho sự phát triển của nền kinh tế - xã hội mới phát huy được hiệu quả cao nhất.

Kinh nghiệm của một số nước Đông Á được coi là mô hình thành công trong việc giải quyết công bằng xã hội cho thấy, trong thời kỳ đầu phát triển, chính phủ của các quốc gia này đã đầu tư rất nhiều vào phổ cập giáo dục tiểu học trước khi bắt đầu triển khai chiến lược tăng trưởng sử dụng nhiều lao động. Trong thời kỳ tiếp theo, họ đã mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục trung học và đại học trước khi bắt đầu thực hiện hình thức tăng trưởng sử dụng nhiều kỹ thuật và vốn trong thập kỷ 70 và 80 của thế kỷ XX. Từ thập kỷ 90, họ đã tăng nhanh đào tạo về máy tính, chuyên môn và cơ khí trước khi chuyển sang các ngành công nghiệp sử dụng nhiều thông tin và công nghệ. Kết quả là không có sự xung đột giữa tăng trưởng và phân phối ở các nước này. Ở đây, việc điều tiết chế độ phân phối nhấn mạnh vào chính những nhân tố đang thúc đẩy cho sự tăng trưởng kinh tế đã càng tạo được động lực thúc đẩy cho sự tăng trưởng kinh tế³. Những kinh nghiệm trên đây cho thấy sự điều tiết của Nhà nước không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, mà đồng thời còn đóng một vai trò rất lớn trong việc hạn chế những bất lợi nảy sinh do sự chi phối của các quy luật tác động trong nền kinh tế thị trường.

Công bằng xã hội không chỉ gắn với nội dung phát triển kinh tế, mà còn phải gắn với nội dung phát triển xã hội, tạo ra sự phát triển hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Bởi vì, phân phối lợi ích một cách công bằng là yếu tố kích thích trực tiếp các chủ thể tích cực tham gia vào những hoạt động cống hiến, đóng góp để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Nói cách khác, công bằng xã hội góp phần rất quan trọng trong việc huy động mọi nguồn lực cho quá trình phát triển không chỉ cho kinh tế, mà còn cho cả sự phát triển xã hội, trên cơ sở đó giải quyết được xung đột về mặt lợi ích giữa các nhóm lợi ích trong xã hội, cũng chính là góp phần vào ổn định kinh tế và xã hội.

3. Vấn đề thực hiện công bằng xã hội trong phân phối tư liệu sản xuất góp phần củng cố sự ổn định xã hội và phát triển kinh tế

Cùng với việc xác lập nguyên tắc phân phối lợi ích nói chung đảm bảo công bằng xã hội, thì vấn đề công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất cũng được đặt ra và lần đầu tiên đã được nêu lên trong Văn kiện Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII. Văn kiện viết: “Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng”⁴.

Trong các chủ trương của Đảng về phân phối tư liệu sản xuất, đối tượng được phân phối là những chủ thể kinh tế - xã hội, thường là các thành phần kinh tế, các ngành trong cơ cấu nền kinh tế, hay tính theo địa giới hành chính thì đó là các vùng, miền trong cả nước...

Việc phân phối tư liệu sản xuất ấy phải được thực hiện như thế nào để được coi là công bằng, đồng thời cũng là hợp lý? Câu hỏi này không tìm thấy sự giải thích thêm trong văn kiện. Tuy nhiên, căn cứ vào sự chỉ dẫn của C. Mác: “Bất kỳ một sự phân phối nào về tư liệu tiêu dùng cũng chỉ là hậu quả của sự phân phối chính ngay những điều kiện sản xuất; nhưng sự phân phối những điều kiện sản xuất lại là một tính chất của chính ngay phương thức sản xuất”⁵, có thể hiểu rằng, một sự phân phối hợp lý tư liệu sản xuất phải xuất phát từ tính chất của chính ngay phương thức sản xuất, cụ thể trong trường hợp của chúng ta, đó chính là phải xuất phát từ tính chất của chính ngay “phương thức sản xuất” trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH).

Thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta đã trải qua hai giai đoạn: giai đoạn trước đổi mới và giai đoạn từ khi bắt đầu đổi mới đến nay. Trong giai đoạn trước đổi mới, chế độ sở hữu XHCN dưới hai hình thức toàn dân và tập thể đã được xác lập một cách phổ biến. Vì vậy, việc phân phối tư liệu sản xuất đã được tập trung cho hai khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể (đến năm 1975 trong khu vực sản xuất vật

3. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia: *Tư duy mới về phát triển cho thế kỷ XXI*, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 53.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII)*, Nxb CTQG, H, 1994, tr. 47.

5. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t. 19, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 36 - 37.

chất, 99,7% tài sản cố định đã thuộc về kinh tế xã hội chủ nghĩa)⁶, còn các thành phần kinh tế khác hoàn toàn không được đầu tư phát triển. Hơn nữa, chế độ phân phối chỉ được thực hiện *duy nhất theo hình thức cấp phát, xin - cho* (hiện vật) mang tính hành chính, mệnh lệnh chứ không phải dựa vào *hiệu quả sử dụng* mọi nguồn tư liệu sản xuất để làm thước đo thực hiện phân phối tư liệu sản xuất. Trên thực tế chế độ phân phối tư liệu sản xuất trong giai đoạn trước đổi mới không phải khi nào, nơi nào cũng hợp lý. Hậu quả của hình thức phân phối này là việc sử dụng nguồn tư liệu sản xuất kém hiệu quả, nhiều nguồn lực đã không được khai thác, nhiều tiềm năng đã không được phát huy.

Bước sang thời kỳ đổi mới, trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc phân phối tư liệu sản xuất đã ngày càng hợp lý, công bằng hơn, mặc dù quan điểm công bằng xã hội phải được thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, mãi đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII mới được nêu ra. *Sự hợp lý* ấy thể hiện ở chỗ việc phân phối tư liệu sản xuất đã ngày càng giảm dần tính bình quân, cào bằng trong khu vực kinh tế nhà nước hay kinh tế tập thể như trong giai đoạn trước đổi mới, mà đã lấy *hiệu quả kinh tế* của việc sử dụng nguồn tư liệu sản xuất, kinh doanh làm căn cứ để phân phối vì chỉ khi nào nguồn tư liệu sản xuất được sử dụng một cách có hiệu quả thì nền kinh tế mới tăng trưởng, đất nước mới giàu mạnh, đời sống nhân dân mới được cải thiện. Tính *hợp lý* ở đây cũng đồng thời thể hiện tính *công bằng* vì ai sử dụng tư liệu sản xuất có hiệu quả hơn, người đó sẽ được phân phối nhiều tư liệu sản xuất hơn, nhờ đó vừa làm giàu cho xã hội nhiều hơn, vừa làm giàu nhiều hơn cho bản thân.

Trong những năm qua, sự hợp lý trong việc phân phối tư liệu sản xuất mang tính công bằng ấy thể hiện ở chỗ, nếu trước đổi mới nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền phân phối tư liệu sản xuất theo kế hoạch tập trung, thì kể từ khi đổi mới đến nay ngay cả chủ thể được phân phối tư liệu sản xuất cũng đồng thời được trao quyền *tự chủ* trong việc sử dụng nguồn tư liệu sản xuất dưới nhiều hình thức (chẳng hạn Luật Đất đai năm 1993 đã trao cho người sử dụng đất có 5 quyền cơ bản đối với đất đai là quyền sử dụng, quyền thừa kế, quyền thế chấp, quyền

chuyển nhượng và quyền góp vốn liên doanh). Nhờ đó, thị trường cũng đóng vai trò trung gian điều tiết sự lưu động nguồn vốn và tư liệu sản xuất trong nền kinh tế quốc dân.

Việc phân phối *hợp lý* dựa vào hiệu quả kinh tế của việc sử dụng tư liệu sản xuất đã kéo theo sự hợp lý trong việc chuyển đổi cơ cấu của nền kinh tế. Hơn nữa, nhờ sự chuyển dịch cơ cấu hợp lý ấy của nền kinh tế tác động tích cực đến sự hình thành một cơ chế *phân bổ nguồn nhân lực* có hiệu quả (theo hướng hình thành các quan hệ thị trường lao động), từng bước loại bỏ sự phân công (diễn động) lao động theo kế hoạch tập trung, quan liêu. Những kết quả đó đã tạo được nhiều việc làm, phát huy được tính năng động của người lao động theo đúng ngành nghề, sở trường và khả năng⁷. Như vậy, việc phân phối một cách hợp lý tư liệu sản xuất và kéo theo nó là việc *phân bổ hợp lý nguồn nhân lực* theo nghĩa trên đã hạn chế được nhiều sức ép của tình trạng thiếu hụt việc làm và thất nghiệp. Nói khác đi thì đây cũng chính là kết quả mở rộng việc tiếp cận cơ hội bình đẳng - có việc làm cho người lao động, phát huy được năng lực của mình mà kết quả trước hết là người lao động từng bước nâng cao được đời sống nhờ vào thu nhập theo lao động của mình.

Từ toàn bộ mục tiêu phát triển gắn với thực hiện công bằng lấy con người làm mục tiêu trung tâm của Việt Nam là một thành tựu đóng góp chung cho sự phát triển nhân loại. Trong báo cáo thường niên của Tổ chức Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) năm 2011, với tiêu đề “Bền vững và công bằng: một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người” cũng đã nhấn mạnh điều tương tự mà Đảng ta đã bàn đến, đó là: “*Phát triển con người một cách bền vững là việc mở rộng các quyền tự do hiện có của con người ngày hôm nay, đồng thời nỗ lực một cách hợp lý để tránh phái thỏa hiệp nghiêm trọng quyền tự do của các thế hệ tương lai*”⁸. Như vậy, những thành tựu mà chúng ta có được hôm nay trong việc kết hợp giữa phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội là nền tảng cho sự phát triển của đất nước trong tương lai.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, H, 1977, tr. 29.

7. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia: *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001: Đổi mới và sự nghiệp phát triển con người*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 32 - 33.

8. UNDP: *Báo cáo phát triển con người*, 2011, tr. 2.